



# Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Báo cáo Tài chính cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

## Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	1
Bảng Cân đối Kế toán	2
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	4
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	5
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	6

011  
CH  
ÔN  
/ÀK  
C  
/G



# Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Bảng Cân đối Kế toán  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2010  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	30.6.2010	31.12.2009
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>63.531.386.054</b>	<b>45.393.760.532</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>6.023.479.368</b>	<b>6.551.159.812</b>
1. Tiền	111	3	6.023.479.368	6.551.159.812
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>4</b>	<b>9.176.040.200</b>	<b>2.950.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		9.176.040.200	2.950.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>30.766.386.094</b>	<b>22.771.417.790</b>
1. Phải thu khách hàng	131		21.234.034.009	17.662.947.044
2. Trả trước cho người bán	132		5.055.701.601	318.452.938
5. Các khoản phải thu khác	135	5	4.476.650.484	4.790.017.808
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>13.234.052.295</b>	<b>8.141.045.725</b>
1. Hàng tồn kho	141		13.234.052.295	8.141.045.725
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.331.428.097</b>	<b>4.980.137.205</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	936.675.350	1.040.279.381
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	13	1.342.857.804	271.402.514
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	2.051.894.943	3.668.455.310
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>19.031.547.740</b>	<b>11.497.526.436</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.961.707.655</b>	<b>1.190.995.681</b>
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		1.961.707.655	1.190.995.681
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.746.067.875</b>	<b>7.861.369.755</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	11.112.640.002	6.299.441.880
- Nguyên giá	222		14.216.650.752	8.130.339.661
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.104.010.750)	(1.830.897.781)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	8.020.831	9.395.833
- Nguyên giá	228		11.000.000	11.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.979.169)	(1.604.167)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	1.625.407.042	1.552.532.042
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.191.100.000</b>	<b>2.191.100.000</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258	12	2.191.100.000	2.191.100.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.132.672.210</b>	<b>254.061.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	42.061.000
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.132.672.210	212.000.000
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>270</b>		<b>82.562.933.794</b>	<b>56.891.286.968</b>

238  
ANH  
TNI  
IN  
TOA  
A  
TP



# Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Bảng Cân đối Kế toán  
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)  
 Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	30.6.2010	31.12.2009
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>65.119.703.528</b>	<b>42.546.153.810</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>49.396.916.961</b>	<b>27.402.367.243</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	13.527.740.600	8.974.134.557
2. Phải trả người bán	312		4.395.457.497	5.968.486.640
3. Người mua trả tiền trước	313		14.416.092.441	1.247.314.168
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	5.594.061.241	2.945.340.860
5. Phải trả người lao động	315		5.995.323.541	4.615.953.528
6. Chi phí phải trả	316		59.130.000	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	5.307.154.277	3.415.699.570
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		101.957.364	235.437.920
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>15.722.786.567</b>	<b>15.143.786.567</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		14.602.380.400	14.023.380.400
4. Vay và nợ dài hạn	334	15	1.120.406.167	1.120.406.167
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>17.443.230.266</b>	<b>14.345.133.158</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>17.443.230.266</b>	<b>14.345.133.158</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		391.905.047	391.905.047
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		267.078.768	267.078.768
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.784.246.451	3.686.149.343
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>440</b>		<b>82.562.933.794</b>	<b>56.891.286.968</b>

Các chỉ tiêu ngoài Bảng Cân đối Kế toán:

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30.6.2010	31.12.2009
5. Ngoại tệ các loại (USD)		1.079,05	26.478

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 4 tháng 8 năm 2010



**KIM NGỌC NHÀN**  
 Giám đốc

**ĐINH THỊ THỦY**  
 Kế toán trưởng

# Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh

cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010	Từ 1.1.2009 đến 30.6.2009
1. Doanh thu	01	17	73.997.414.255	45.921.863.758
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		73.997.414.255	45.921.863.758
4. Giá vốn hàng bán	11	18	(58.827.379.857)	(38.780.577.041)
5. Lợi nhuận gộp	20		15.170.034.398	7.141.286.717
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	206.807.046	63.899.711
7. Chi phí tài chính	22	20	(253.762.149)	(131.004.883)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		(137.193.610)	(131.004.883)
8. Chi phí bán hàng	24		(2.492.805.003)	(560.793.964)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	(5.166.144.815)	(3.234.889.995)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		7.464.129.477	3.278.497.586
11. Thu nhập khác	31		-	173.497.897
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	173.497.897
14. Lợi nhuận trước thuế	50		7.464.129.477	3.451.995.483
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	13	(1.866.032.369)	(604.099.209)
17. Lợi nhuận sau thuế	60		5.598.097.108	2.847.896.274
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	5.598	3.339

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 4 tháng 8 năm 2010



KIM NGỌC NHÂN  
Giám đốc

ĐINH THỊ THỦY  
Kế toán trưởng



# Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (phương pháp gián tiếp)  
cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010	Từ 1.1.2009 đến 30.6.2009
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.464.129.477	3.451.995.483
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao và phân bổ	02	1.316.548.971	615.962.081
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(65.039.486)	(48.949.711)
Chi phí lãi vay	06	137.193.610	131.004.883
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>			
Thay đổi các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(8.220.575.201)	(18.156.785.926)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(5.093.006.570)	(489.781.262)
Thay đổi các khoản phải trả	11	16.225.817.305	12.766.325.392
Thay đổi chi phí trả trước	12	103.604.031	(951.648.072)
Tiền lãi vay đã trả	13	(137.193.610)	(131.004.883)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(71.905.999)	(35.785.797)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.920.672.210)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>9.738.900.318</b>	<b>(2.848.667.812)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(6.159.186.091)	(4.737.884.634)
2. Thu từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định	22	-	-
3. Chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.380.000.000)	(2.360.000.000)
4. Thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.153.959.800	3.822.000.000
5. Chi góp vốn vào đơn vị khác	25	(800.000.000)	-
6. Thu hồi vốn góp vào các đơn vị khác	26	800.000.000	-
7. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	65.039.486	48.949.711
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(12.320.186.805)</b>	<b>(3.226.943.923)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Thu vốn góp của chủ sở hữu	31	-	4.000.000.000
3. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	31.529.576.682	13.712.384.962
4. Chi trả nợ gốc vay	34	(26.975.970.639)	(87.333.333)
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả	36	(2.500.000.000)	(2.939.300.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>2.053.606.043</b>	<b>14.685.751.629</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(527.680.444)</b>	<b>8.610.148.894</b>
<b>Tiền tồn đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>6.551.159.812</b>	<b>7.137.219.711</b>
<b>Tiền tồn cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>6.023.479.368</b>	<b>15.747.368.605</b>

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 4 tháng 8 năm 2010



KIM NGỌC NHẬN  
Giám đốc

ĐINH THỊ THỦY  
Kế toán trưởng

# **Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ**

**Thuyết minh Báo cáo Tài chính**

**cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2010**

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

## **1. Tổ chức và hoạt động chính**

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ (tên trước khi thay đổi là Công ty Cổ phần Cavico Cung ứng Nhân lực) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225 ngày 2 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được sửa đổi như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh

Số 0103018225 ngày 28 tháng 4 năm 2009

Nội dung điều chỉnh

Tăng vốn điều lệ, bổ sung ngành nghề kinh doanh, thay đổi trụ sở chính của Công ty

Số 0102307343 ngày 21 tháng 4 năm 2010

Thay đổi số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Vốn điều lệ và vốn pháp định của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần lượt là 10 tỷ đồng và 6 tỷ đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 5, khu A, tập thể báo sinh viên, ngõ Tuổi Trẻ, đường Hoàng Quốc Việt, huyện Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sau:

- Dịch vụ xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ bóc xúc đất đá mỏ;
- Dịch vụ xây lắp các công trình điện đến 110KV;
- Đào tạo hướng nghiệp và dạy nghề cho người lao động (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng xây dựng;
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước;
- Kinh doanh bất động sản.

Trong 6 tháng đầu năm 2010, hoạt động chủ yếu của Công ty là xây dựng và cung ứng nhân lực.

## **2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

### **2.1. Cơ sở lập báo cáo**

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng chúng không được lập cho những người không được thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam, và hơn nữa, không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp kế toán được thừa nhận chung ở các nước và thể chế khác ngoài Việt Nam.

### **2.2. Áp dụng Luật kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam**

#### **a) Luật Kế toán**

Trong năm, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2003 và Nghị định kèm theo số 129/2004/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.



# Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

## b) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

Trong năm, Công ty đã áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

### 2.3. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

#### a) Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt là khoản tồn quỹ tại Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính và có sự kiểm kê đối chiếu với sổ quỹ tiền mặt.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được đối chiếu số dư với các ngân hàng này tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### b) Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện và đã thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 2.4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

### 2.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, sau khi lập dự phòng cho các loại hàng hư hỏng, lỗi thời. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

# Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ hoạt động xây lắp được xác định như sau:

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD dở} \\ \text{dang cuối kỳ từng} \\ \text{công trình} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD dở} \\ \text{dang đầu kỳ từng} \\ \text{công trình} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD dở} \\ \text{dang phát sinh trong} \\ \text{kỳ từng công trình} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn ghi nhận} \\ \text{trong kỳ của từng} \\ \text{công trình} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{r} \text{Giá vốn} \\ \text{từng công} \\ \text{trình} \end{array} = \frac{\begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{Dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{r} \text{Giá trị sản lượng thực hiện} \\ \text{dở dang đầu kỳ (không bao} \\ \text{gồm thuế GTGT)} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Giá trị sản lượng thực} \\ \text{hiện trong kỳ (không} \\ \text{bao gồm thuế GTGT)} \end{array}} \times \begin{array}{r} \text{Doanh thu} \\ \text{ghi nhận} \\ \text{trong kỳ} \end{array}$$

## 2.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không được sử dụng nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế trực thu và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng, như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, thường được hạch toán vào hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá tiêu chuẩn hoạt động đánh giá ban đầu của tài sản thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	3 - 5
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

## 2.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán số 04 - "Tài sản cố định vô hình", ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 và Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực trên.

### Phần mềm máy tính

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 4 năm.

## 2.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị nhà xưởng và máy móc thiết bị chưa được hoàn thành việc xây dựng và lắp đặt và được thể hiện theo nguyên giá. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được trích khấu hao cho tới khi các tài sản đó hoàn thành và được đưa vào sử dụng.



# **Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ**

**Thuyết minh Báo cáo Tài chính**

**cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

## **2.9. Các khoản đầu tư**

### **a) Các khoản đầu tư ngắn hạn**

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phiếu, công trái, chứng khoán niêm yết có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm. Giá trị các khoản đầu tư ngắn hạn này được xác định theo giá mua thực tế.

### **b) Các khoản đầu tư dài hạn**

Các khoản đầu tư dài hạn vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản lợi nhuận được phân phối từ lợi nhuận lũy kế của các công ty con và công ty liên kết sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

## **2.10. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay gồm lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn và kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó). Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tài sản dở dang là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.

## **2.11. Chi phí chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản mục này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

## **2.12. Các khoản phải trả người bán**

Các khoản phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ... được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

# **Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ**

**Thuyết minh Báo cáo Tài chính**

**cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

## **2.13. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

## **2.14. Nguồn vốn chủ sở hữu**

### **a) Ghi nhận cổ tức**

Các cổ tức trả cho các cổ phiếu ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu hợp pháp của từng cổ đông.

### **b) Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế**

Các quỹ của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo quy chế tài chính đã được Hội đồng Quản trị thông qua ngày 12 tháng 3 năm 2010 như sau:

- Cổ tức cổ đông năm 2009 25%

## **2.15. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

### **a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.



# Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

## b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỷ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được các chi phí đã được ghi nhận.

## c) Tiền lãi, bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch tương ứng và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.16. Hợp đồng xây dựng

### a) Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm:

- (i) Doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng; và
- (ii) Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Căn cứ để xác định doanh thu từ hợp đồng xây dựng là khối lượng công việc hoàn thành theo công trình hoặc hạng mục công trình và đơn giá hợp đồng mới nhất được duyệt. Khối lượng công việc hoàn thành là khối lượng đã được chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư xác nhận thông qua Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp giá trị thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp khối lượng xây lắp hoàn thành v.v...

### b) Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm:

- (i) Chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng;
- (ii) Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng cụ thể (bao gồm cả chi phí đi vay nếu thỏa mãn các điều kiện chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định);
- (iii) Các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng.

### c) Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính.
- (ii) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.

## **Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ**

**Thuyết minh Báo cáo Tài chính**

**cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

- (iii) Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

### **2.17. Thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

### **2.18. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

### **2.19. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

### **2.20. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

### **2.21. Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong các mẫu báo cáo của Hệ thống Kế toán Việt Nam không thể hiện trên các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

### **2.22. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 chưa được kiểm toán.



## Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 3. Tiền

Nội dung	30.6.2010	31.12.2009
Tiền mặt	1.833.224.504	3.599.490.226
Tiền gửi ngân hàng	4.190.254.864	2.951.669.586
	<b>6.023.479.368</b>	<b>6.551.159.812</b>

### 4. Đầu tư ngắn hạn

Items	30.6.2010	31.12.2009
Cho vay Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	5.284.517.838	-
Cho vay Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm	1.991.522.362	2.950.000.000
Cho vay Trần Thanh Hải	1.000.000.000	-
Cho vay Nguyễn Ngọc Tú	800.000.000	-
Cho vay Công ty Cổ phần Cavico Sơn La	100.000.000	-
	<b>9.176.040.200</b>	<b>2.950.000.000</b>

### 5. Các khoản phải thu khác

Nội dung	30.6.2010	31.12.2009
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	3.300.000.000	3.300.000.000
Công ty Cổ phần Cavico Sơn La	770.815.108	407.735.108
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm	-	78.714.139
Công ty Cổ phần Cavico Công nghiệp và Dịch vụ	53.164.028	53.164.028
Dự án Angieri	-	626.781.489
Lãng Việt Hùng	-	250.000.000
Khác	352.671.348	73.623.044
	<b>4.476.650.484</b>	<b>4.790.017.808</b>

### 6. Hàng tồn kho

Nội dung	30.6.2010	31.12.2009
Hàng mua đang đi trên đường	220.906.567	585.825.775
Nguyên liệu, vật liệu	2.195.679.355	730.227.373
Công cụ, dụng cụ	1.050.596.697	1.073.448.154
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.757.869.676	5.751.544.423
Hàng hóa	9.000.000	-
	<b>13.234.052.295</b>	<b>8.141.045.725</b>

### 7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Nội dung	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Phân bổ	Số dư cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ sản xuất	118.353.592	445.358.342	(451.944.700)	111.767.234
Trang thiết bị văn phòng	665.409.936	406.613.218	(681.005.824)	391.017.330
Chi phí thuê văn phòng	256.515.853	787.901.114	(610.526.181)	433.890.786
	<b>1.040.279.381</b>	<b>1.639.872.674</b>	<b>(1.743.476.705)</b>	<b>936.675.350</b>

## Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 8. Tài sản ngắn hạn khác

Nội dung	30.6.2010	31.12.2009
Tạm ứng	1.961.894.943	1.386.654.490
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	90.000.000	2.281.800.820
	<b>2.051.894.943</b>	<b>3.668.455.310</b>

### 9. Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	5.101.133.883	2.439.226.063	589.979.715	8.130.339.661
Tăng trong kỳ	5.307.965.455	755.238.000	23.107.636	6.086.311.091
<i>Trong đó:</i>				
<i>Mua mới</i>	<i>5.307.965.455</i>	<i>755.238.000</i>	<i>23.107.636</i>	<i>6.086.311.091</i>
Số dư cuối kỳ	<b>10.409.099.338</b>	<b>3.194.464.063</b>	<b>613.087.351</b>	<b>14.216.650.752</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số dư đầu kỳ	1.471.334.833	267.637.059	91.925.889	1.830.897.781
Tăng trong kỳ	903.062.924	268.153.915	101.896.130	1.273.112.969
Số dư cuối kỳ	<b>2.374.397.757</b>	<b>535.790.974</b>	<b>193.822.019</b>	<b>3.104.010.750</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	3.629.799.050	2.171.589.004	498.053.826	6.299.441.880
Số dư cuối kỳ	<b>8.034.701.581</b>	<b>2.658.673.089</b>	<b>419.265.332</b>	<b>11.112.640.002</b>

### 10. Tài sản cố định vô hình

Nội dung	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu kỳ	11.000.000	11.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	<b>11.000.000</b>	<b>11.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>		
Số dư đầu kỳ	1.604.167	1.604.167
Khấu hao trong kỳ	1.375.002	1.375.002
Số dư cuối kỳ	<b>2.979.169</b>	<b>2.979.169</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu kỳ	9.395.833	9.395.833
Số dư cuối kỳ	<b>8.020.831</b>	<b>8.020.831</b>



# Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính  
cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

## 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Nội dung	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Kết chuyển trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Sửa chữa máy móc thiết bị	1.552.532.042	72.875.000	-	1.625.407.042
	<b>1.552.532.042</b>	<b>72.875.000</b>	<b>-</b>	<b>1.625.407.042</b>

## 12. Đầu tư dài hạn khác

Nội dung	Ghi chú	30.6.2010		31.12.2010	
		Số lượng	Giá trị đầu tư	Số lượng	Giá trị đầu tư
Góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Cavico Khai thác Khoáng Sản	HNX	219.110	2.191.100.000	219.110	2.191.100.000
		<b>219.110</b>	<b>2.191.100.000</b>	<b>219.110</b>	<b>2.191.100.000</b>

Giá trị khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Cavico Khai thác Khoáng Sản đã bao gồm cả phần sở hữu của Trần Văn Giang là 800.000.000 đồng tương đương 80.000 cổ phần theo như hợp đồng ủy thác đầu tư số 1/HĐKT/CMS-2010 ngày 4 tháng 1 năm 2010 (Thuyết minh 14).

## 13. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

Nội dung	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
<b>Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ</b>				
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	271.402.514	2.413.755.720	(1.342.300.430)	1.342.857.804
	<b>271.402.514</b>	<b>2.413.755.720</b>	<b>(1.342.300.430)</b>	<b>1.342.857.804</b>
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>				
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	-	1.343.120.430	(1.343.120.430)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.556.142.777	1.866.032.369	(71.905.999)	4.350.269.147
Thuế xuất nhập khẩu	20.265.442	1.460.000	(1.460.000)	20.265.442
Thuế thu nhập cá nhân	368.932.641	854.594.011	-	1.223.526.652
Thuế môn bài	-	2.000.000	(2.000.000)	-
	<b>2.945.340.860</b>	<b>4.067.206.810</b>	<b>(1.418.486.429)</b>	<b>5.594.061.241</b>

### 13.1 Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng dịch vụ như sau:

Dịch vụ	Thuế suất
Doanh thu xây lắp	10%
Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị	10%
Bán vật tư	5%
Xuất khẩu lao động	0%

### 13.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi

## Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Nội dung	Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010	Từ 1.1.2009 đến 30.6.2009
Lợi nhuận thuần trước thuế	7.464.129.477	3.451.995.483
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ)	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Chênh lệch do đánh giá lại tỷ giá	-	-
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế	7.464.129.477	3.451.995.483
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	7.464.129.477	3.451.995.483
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả ước tính	1.866.032.369	862.998.870
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu kỳ	2.556.142.777	1.296.327.807
Điều chỉnh do ưu đãi thuế	-	(258.899.661)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong kỳ	(71.905.999)	(35.785.797)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cuối kỳ	4.350.269.147	1.864.641.219

### 13.3 Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Nội dung	30.6.2010	31.12.2009
Phải trả nhân viên thuế TNCN khấu trừ quá	479.479.278	479.479.278
Bảo hiểm xã hội	187.314.850	195.281.686
Bảo hiểm y tế	-	29.292.254
Bảo hiểm thất nghiệp	-	19.528.169
Kinh phí công đoàn	83.258.114	19.184.388
Phải trả Trần Văn Giang	800.000.000	-
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	3.757.102.035	2.672.933.795
	5.307.154.277	3.415.699.570

### 15. Vay và nợ

Nội dung	30.6.2010	31.12.2009
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>13.150.559.100</b>	<b>8.219.784.557</b>
Vay ngân hàng	13.150.559.100	8.219.784.557
<b>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>377.181.500</b>	<b>754.350.000</b>
Vay ngân hàng	377.181.500	754.350.000
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>1.120.406.167</b>	<b>1.120.406.167</b>
Vay ngân hàng	1.120.406.167	1.120.406.167
	14.648.146.767	10.094.540.724



## Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 15.1 Chi tiết các khoản vay và nợ như sau:

Nội dung	Kỳ hạn vay (tháng)	Thời hạn trả nợ	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo	Số dư 30.6.2010
<b>Vay ngắn hạn</b>					<b>13.527.740.600</b>
<b>Vay ngân hàng</b>					<b>13.150.559.100</b>
NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hoàng Quốc Việt	6	6 tháng cho 1 lần nhận nợ	12%- 14,99%	Bảo lãnh	711.828.900
	6	6 tháng cho 1 lần nhận nợ	6%- 6,5%	Bảo lãnh	12.438.730.200
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>					<b>377.181.500</b>
- NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hoàng Quốc Việt	36	14/7/2012	12%	Tín chấp	152.429.500
- NH Thương mại Cổ phần Đông Nam Á - CN Đồng Đa	36	10/3/2012	12%	Tài sản hình thành từ vốn vay	224.752.000
<b>Vay và nợ dài hạn</b>					<b>1.120.406.167</b>
<b>Vay ngân hàng</b>					
- NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hoàng Quốc Việt	36	14/7/2012	12%	Tín chấp	533.487.500
- NH Thương mại Cổ phần Đông Nam Á - CN Đồng Đa	36	10/3/2012	12%	Tài sản hình thành từ vốn vay	586.918.667
					<b>14.648.146.767</b>

### 16. Vốn chủ sở hữu

#### 16.1 Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu trong năm như sau

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lãi lũy kế	Tổng cộng
<b>Số dư 1.1.2009</b>	<b>6.000.000.000</b>	-	-	<b>3.983.721.735</b>	<b>9.983.721.735</b>
Tăng vốn trong năm	2.560.700.000	-	-	-	2.560.700.000
Bổ sung vốn từ lợi nhuận	1.439.300.000	-	-	(1.439.300.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	6.186.149.343	6.186.149.343
Chia cổ tức năm 2008	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Chia cổ tức năm 2009	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Trích các quỹ từ lợi nhuận	-	391.905.047	267.078.768	(1.044.421.735)	(385.437.920)
<b>Số dư 31.12.2009</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>391.905.047</b>	<b>267.078.768</b>	<b>3.686.149.343</b>	<b>14.345.133.158</b>
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	5.598.097.108	5.598.097.108
Chia cổ tức năm 2009	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
<b>Số dư 30.6.2010</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>391.905.047</b>	<b>267.078.768</b>	<b>6.784.246.451</b>	<b>17.443.230.266</b>

## Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 16.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu

Cổ đông	Vốn cổ phần thường	
	30.6.2010	31.12.2009
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm	3.950.000.000	3.950.000.000
Nguyễn Đức Phong	685.670.000	685.670.000
Kim Ngọc Nhân	517.630.000	517.630.000
Đặng Minh Toàn	422.000.000	422.000.000
Phạm Minh Phúc	813.330.000	813.330.000
Cổ đông khác	3.611.370.000	3.611.370.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

### 16.3 Tình hình biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau

Nội dung	30.6.2010	2009
Vốn cổ phần đầu kỳ	10.000.000.000	6.000.000.000
Vốn cổ phần tăng trong kỳ	-	4.000.000.000
Vốn cổ phần cuối kỳ	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

Cổ tức, lợi nhuận đã tạm chia	2.500.000.000	5.439.300.000
-------------------------------	---------------	---------------

### 16.4 Cổ phiếu

Nội dung	30.6.2010	2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.000.000	1.000.000
Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

### 17. Doanh thu

Nội dung	Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010	Từ 1.1.2009 đến 30.6.2009
Doanh thu xuất khẩu lao động	64.316.224.580	38.419.327.192
Doanh thu từ hợp đồng xây dựng	6.726.300.863	6.910.559.942
Doanh thu bán vật tư	1.789.470.105	442.857.143
Doanh thu hoạt động khác	1.165.418.707	149.119.481
	<b>73.997.414.255</b>	<b>45.921.863.758</b>



## Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 18. Giá vốn hàng bán

Nội dung	Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010	Từ 1.1.2009 đến 30.6.2009
Giá vốn của dịch vụ xuất khẩu lao động	48.075.022.374	30.587.913.339
Giá vốn các công trình xây dựng	8.223.916.125	7.740.097.598
Giá vốn bán vật tư	1.713.964.763	303.504.699
Giá vốn hoạt động khác	814.476.595	149.061.405
	<b>58.827.379.857</b>	<b>38.780.577.041</b>

### 19. Doanh thu hoạt động tài chính

Nội dung	Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010	Từ 1.1.2009 đến 30.6.2009
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	65.039.486	48.949.711
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	141.767.560	14.950.000
	<b>206.807.046</b>	<b>63.899.711</b>

### 20. Chi phí tài chính

Nội dung	Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010	Từ 1.1.2009 đến 30.6.2009
Lãi tiền vay	137.193.610	131.004.883
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	116.568.539	-
	<b>253.762.149</b>	<b>131.004.883</b>

### 21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nội dung	Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010	Từ 1.1.2009 đến 30.6.2009
Chi phí nhân viên quản lý	1.951.451.270	848.547.000
Chi phí vật liệu quản lý	187.530.141	19.617.424
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	161.914.616
Chi phí khấu hao và phân bổ	268.107.433	89.876.953
Thuế phí và lệ phí	124.245.988	73.995.689
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.435.375.735	1.045.443.636
Chi phí khác	199.434.248	995.494.677
	<b>5.166.144.815</b>	<b>3.234.889.995</b>

### 22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Nội dung	Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010	Từ 1.1.2009 đến 30.6.2009
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông</b>		
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	5.598.097.108	2.847.896.274
- Cổ tức chia cho cổ phần ưu đãi	-	-
<b>Lợi nhuận thuần chia cho cổ đông phổ thông</b>	<b>5.598.097.108</b>	<b>2.847.896.274</b>
<b>Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân trong kỳ</b>		
- Số lượng cổ phiếu đầu kỳ	1.000.000	600.000
- Số lượng cổ phiếu bình quân phát hành trong kỳ	-	253.045
- Số lượng cổ phiếu bình quân mua lại trong kỳ	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu bình quân trong kỳ</b>	<b>1.000.000</b>	<b>853.045</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>5.598</b>	<b>3.339</b>

## Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính  
cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 23. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

#### 23.1 Trong kỳ, các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị	
			30.6.2010	2009
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm	Công ty liên kết	Phí quản lý dự án Angieri	(2.492.805.003)	(3.007.622.349)
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	6.726.300.863	12.487.237.778
		Trả cổ tức năm 2009	(987.500.000)	(600.000.000)
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	Công ty liên kết	Cho vay ngắn hạn	7.430.000.000	-
		Doanh thu bán hàng hóa	1.789.470.105	-
		Doanh thu cho thuê máy móc thiết bị	474.940.000	-
		Chi phí thầu phụ	(5.567.938.255)	-

Công ty bán hàng cho các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường. Công ty mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá trên thị trường được chiết khấu tùy theo khối lượng hàng mua và mối quan hệ giữa các bên.

#### Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị phải thu (phải trả)	
			30.6.2010	2009
<b>Phải thu khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm	Công ty liên kết	Kinh doanh thương mại, xuất khẩu, xây dựng	5.219.194.655	4.642.322.595
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy Điện	Công ty liên kết	Bán hàng	270.567.760	270.567.760
<b>Phải thu khác</b>				
Công ty Cổ phần Cavico Công nghiệp và Dịch vụ	Công ty liên kết	Cho vay ngắn hạn	53.164.028	53.164.028
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	Công ty liên kết	Cho vay ngắn hạn	3.300.000.000	3.300.000.000
Công ty Cổ phần Cavico Sơn La	Công ty liên kết	Cho vay ngắn hạn	770.815.108	407.735.108
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm	Công ty liên kết	Cho vay ngắn hạn	1.991.522.362	2.950.000.000
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	Công ty liên kết	Cho vay ngắn hạn	5.284.517.838	-
<b>Phải trả người bán</b>				
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	Công ty liên kết	Chi phí thương hiệu	(801.462.394)	(801.462.394)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm	Công ty liên kết	Phí Angieri	(840.048.000)	(1.364.642.895)
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	Công ty liên kết	Phí thầu phụ	624.790.601	-

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm cuối kỳ không cần đảm bảo, không có lãi và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc bù trừ công nợ. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty.



## Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Thuyết minh Báo cáo Tài chính  
cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 23.2 Các giao dịch với các bên liên quan khác:


Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

Nội dung	Từ 1.1.2010 đến 30.6.2010
Lương và thưởng	504.001.000
	<b>504.001.000</b>

### 24. Phê chuẩn báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính này được phê chuẩn để phát hành ngày 4 tháng 8 năm 2010.



  
KIM NGỌC NHÂN  
Giám đốc



ĐINH THỊ THỦY  
Kế toán trưởng

